**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**=====\*\*\*=====**



BÁO CÁO BTL THUỘC HỌC PHẦN:

THIẾT KẾ PHẦN MỀM

**THIẾT KẾ WEBSITE NOWSAIGON.COM**

**GVHD : ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền**

**Nhóm : 10**

**Lớp : 20241IT6096002**

**Thành viên nhóm:**

Nguyễn Anh Tuấn 2022602738 (Nhóm trưởng)

Nguyễn Đình Việt 2022603218

Lại Thế Rin 2022602355

Đỗ Thiên Nhật 2022603404

Nguyễn Văn Sơn 2022606008

Hà Nội, Năm 2024

LỜI MỞ ĐẦU

Khi Internet phát triển thì lĩnh vực thương mại điện tử trở nên vị thế quan trọng do đó các công ty - doanh nghiệp đã và đang đầu tư và phát triển website bán hàng online trên mọi lĩnh vực. Để xây dựng được một website bán hàng online thu hút khách hàng và đem lại hiệu quả cao thì một trong những bước quan trọng đó là việc phân tích và đặc tả những yêu cầu của website đó để việc xây dựng trang web trở nên hoàn thiện, đầy đủ hơn.

Bằng sự tìm hiểu và kiến thức của môn học **“Thiết kế phần mềm”**, dưới sự hướng dẫn của cô **Nguyễn Thị Thanh Huyền** nhóm chúng em đã tiến hành thực hiện bản báo cáo bài tập lớn về **“Thiết kế Website nowsaigon.com”** nhằm đặc tả chi tiết các dịch vụ mà hệ thống website cung cấp và những ràng buộc để xây dựng và vận hành một trang web bán đồ thời trang. Từ việc khảo sát hệ thống đến xác định mô hình hóa chức năng và dữ liệu của trang web nhóm đã lần lượt tiến hành phân tích và đặc tả chi tiết của website NowSaiGon (NOW - Needs Of Wisdom) để đưa ra bản thiết kế với mục đích xác định được mức độ đáp ứng của website này với khách hàng - người truy cập website.

Trong quá trình tìm hiểu và thực hiện báo cáo nhóm chúng em không thể tránh khỏi những thiếu hụt và sai sót, vì vậy nhóm rất mong được nghe nhận xét và ý kiến đánh giá của cô dành cho nhóm.

***Nhóm chúng em xin chân thành cảm ơn!***

MỤC LỤC

[LỜI MỞ ĐẦU 1](#_Toc180664733)

[DANH MỤC HÌNH ẢNH 4](#_Toc180664734)

[CHƯƠNG 1. MÔ TẢ CHỨC NĂNG 6](#_Toc180664735)

[1.1. Biểu đồ Use case 6](#_Toc180664736)

[1.2. Mô tả Use case 10](#_Toc180664737)

[1.2.1. Mô tả Use case “Đăng ký” (Đỗ Thiên Nhật) 10](#_Toc180664738)

[1.2.2. Đặc tả Use case “Đăng nhập” (Đỗ Thiên Nhật) 11](#_Toc180664739)

[1.2.3. Mô tả Use case “Xem danh mục sản phẩm” (Lại Thế Rin) 12](#_Toc180664740)

[1.2.4. Mô tả Use case “Xem sản phẩm theo danh mục” (Lại Thế Rin) 13](#_Toc180664741)

[1.2.5. Mô tả Use case “Xem chi tiết sản phẩm” (Lại Thế Rin) 14](#_Toc180664742)

[1.2.6. Mô tả Use case “Tìm kiếm sản phẩm” (Đỗ Thiên Nhật) 15](#_Toc180664743)

[1.2.7. Mô tả Use case “Thêm sản phẩm vào giỏ hàng” (Nguyễn Đình Việt) 16](#_Toc180664744)

[1.2.8. Mô tả Use case “Sửa thông tin cá nhân” (Lại Thế Rin) 17](#_Toc180664745)

[1.2.9. Mô tả Use case “Đặt hàng” (Nguyễn Đình Việt) 18](#_Toc180664746)

[1.2.10. Mô tả Use case “Xem đơn đặt hàng” (Nguyễn Đình Việt) 20](#_Toc180664747)

[1.2.11. Mô tả Use case “Huỷ đơn đặt hàng” (Nguyễn Văn Sơn) 21](#_Toc180664748)

[1.2.12. Mô tả Use case “Xem thông tin khuyến mãi” (Nguyễn Văn Sơn) 22](#_Toc180664749)

[1.2.13. Mô tả Use case “Bảo trì danh mục sản phẩm” (Nguyễn Văn Sơn) 23](#_Toc180664750)

[1.2.14. Mô tả Use case “Bảo trì sản phẩm” (Nguyễn Anh Tuấn) 25](#_Toc180664751)

[1.2.15. Mô tả Use case “Quản lý tài khoản khách hàng” (Nguyễn Anh Tuấn) 27](#_Toc180664752)

[1.2.16. Mô tả Use case “Quản lý đơn hàng” (Nguyễn Anh Tuấn) 29](#_Toc180664753)

[1.2.17. Mô tả Use case “Chăm sóc khách hàng” (Nguyễn Anh Tuấn) 31](#_Toc180664754)

[1.2.18. Mô tả Use case “Bảo trì khuyến mãi” (Nguyễn Anh Tuấn) 32](#_Toc180664755)

[CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH USE CASE 35](#_Toc180664756)

[2.1. Phân tích các use case 35](#_Toc180664757)

[2.1.1. Phân tích use case “Đăng ký” (Đỗ Thiên Nhật) 35](#_Toc180664758)

[2.1.2. Phân tích use case “Đăng nhập” (Đỗ Thiên Nhật) 36](#_Toc180664759)

[2.1.3. Phân tích use case “Tìm kiếm sản phẩm” ((Đỗ Thiên Nhật)) 37](#_Toc180664760)

[2.1.4. Phân tích use case “Xem danh mục sản phẩm” (Lại Thế Rin) 38](#_Toc180664761)

[2.1.5. Phân tích use case “Xem sản phẩm theo danh mục” (Lại Thế Rin) 39](#_Toc180664762)

[2.1.6. Phân tích use case “Xem chi tiết sản phẩm” (Lại Thế Rin) 41](#_Toc180664763)

[2.1.7. Phân tích use case “Sửa thông tin cá nhân” (Lại Thế Rin) 43](#_Toc180664764)

[2.1.8. Phân tích use case “Thêm sản phẩm vào giỏ hàng” (Nguyễn Đình Việt) 45](#_Toc180664765)

[2.1.9. Phân tích use case “Đặt hàng” (Nguyễn Đình Việt) 47](#_Toc180664766)

[2.1.10. Phân tích use case “Xem đơn đặt hàng” (Nguyễn Đình Việt) 49](#_Toc180664767)

[2.1.11. Phân tích use case “Huỷ đơn đặt hàng” (Nguyễn Văn Sơn) 51](#_Toc180664768)

[2.1.12. Phân tích use case “Xem thông tin khuyến mãi” (Nguyễn Văn Sơn) 54](#_Toc180664769)

[2.1.13. Phân tích use case “Bảo trì danh mục sản phẩm” (Nguyễn Văn Sơn) 56](#_Toc180664770)

[2.1.14. Phân tích use case “Bảo trì sản phẩm” (Nguyễn Anh Tuấn) 59](#_Toc180664771)

[2.1.15. Phân tích use case “Quản lý tài khoản khách hàng” (Nguyễn Anh Tuấn) 62](#_Toc180664772)

[2.1.16. Phân tích use case “Quản lý đơn hàng” (Nguyễn Anh Tuấn) 64](#_Toc180664773)

[2.1.17. Phân tích use case “Bảo trì khuyến mãi” (Nguyễn Anh Tuấn) 66](#_Toc180664774)

[KẾT LUẬN 68](#_Toc180664775)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 69](#_Toc180664776)

DANH MỤC HÌNH ẢNH

[Hình 1.1. Use case tổng thể 6](#_Toc180664777)

[Hình 1.2. Use case phần front end 7](#_Toc180664778)

[Hình 1.3. Use case phần back end 9](#_Toc180664779)

[Hình 2.1. Biểu đồ trình tự của use case “Đăng ký” 35](#_Toc180664780)

[Hình 2.2. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Đăng ký tài khoản” 35](#_Toc180664781)

[Hình 2.3. Biểu đồ trình tự của use case “Đăng nhập” 36](#_Toc180664782)

[Hình 2.4. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Đăng nhập” 36](#_Toc180664783)

[Hình 2.5. Biểu đồ trình tự của use case “Tìm kiếm sản phẩm” 37](#_Toc180664784)

[Hình 2.6. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Tìm kiếm sản phẩm” 37](#_Toc180664785)

[Hình 2.7. Biểu đồ trình tự của use case “Xem sản phẩm theo danh mục” 38](#_Toc180664786)

[Hình 2.8. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Xem sản phẩm theo danh mục” 38](#_Toc180664787)

[Hình 2.9. Biểu đồ trình tự của use case “Xem sản phẩm theo danh mục” 39](#_Toc180664788)

[Hình 2.10. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Xem sản phẩm theo danh mục” 40](#_Toc180664789)

[Hình 2.11. Biểu đồ trình tự của use case “Xem chi tiết sản phẩm” 41](#_Toc180664790)

[Hình 2.12. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Xem chi tiết sản phẩm” 42](#_Toc180664791)

[Hình 2.13. Biểu đồ trình tự của use case “Sửa thông tin cá nhân” 43](#_Toc180664792)

[Hình 2.14. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Sửa thông tin cá nhân” 44](#_Toc180664793)

[Hình 2.15. Biểu đồ trình tự của use case “Thêm sản phẩm vào giỏ hàng” 45](#_Toc180664794)

[Hình 2.16. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Thêm sản phẩm vào giỏ hàng” 46](#_Toc180664795)

[Hình 2.17. Biểu đồ trình tự của use case “Đặt hàng” 47](#_Toc180664796)

[Hình 2.18. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Đặt hàng” 48](#_Toc180664797)

[Hình 2.19. Biểu đồ trình tự của use case “Xem đơn đặt hàng” 49](#_Toc180664798)

[Hình 2.20. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Xem đơn đặt hàng” 50](#_Toc180664799)

[Hình 2.21. Biểu đồ trình tự của use case “Huỷ đơn đặt hàng” 52](#_Toc180664800)

[Hình 2.22. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Huỷ đơn đặt hàng” 53](#_Toc180664801)

[Hình 2.23. Biểu đồ trình tự của use case “Xem thông tin khuyến mãi” 54](#_Toc180664802)

[Hình 2.24. Biểu đồ lớp phân tích Use case “Xem thông tin khuyến mãi” 55](#_Toc180664803)

[Hình 2.25. Biểu đồ trình tự của use case “Bảo trì danh mục sản phẩm” 57](#_Toc180664804)

[Hình 2.26. Biểu đồ lớp phân tích Use case “Bảo trì danh mục sản phẩm” 58](#_Toc180664805)

[Hình 2.27. Biểu đồ trình tự của use case “Bảo trì sản phẩm” 60](#_Toc180664806)

[Hình 2.28. Biểu đồ lớp phân tích Use case “Bảo trì sản phẩm” 61](#_Toc180664807)

[Hình 2.29. Biểu đồ trình tự của use case “Quản lý tài khoản khách hàng” 62](#_Toc180664808)

[Hình 2.30. Biểu đồ lớp phân tích Use case “Quản lý tài khoản khách hàng” 63](#_Toc180664809)

# MÔ TẢ CHỨC NĂNG

## Biểu đồ Use case



Hình 1.1. Use case tổng thể

1.1.1. Các Use case phần front end



Hình 1.2. Use case phần front end

**\* Mô tả vắn tắt:**

1. **Xem danh mục sản phẩm:** Cho phép khách hàng xem danh sách các danh mục sản phẩm hiện có.
2. **Xem sản phẩm theo danh mục:** Cho phép khách hàng xem các sản phẩm trong các danh mục khác nhau.
3. **Xem chi tiết sản phẩm:** Cho phép khách hàng xem thông tin chi tiết của các sản phẩm.
4. **Tìm kiếm sản phẩm:** Cho phép khách hàng tìm kiếm tên sản phẩm mình cần.
5. **Thêm sản phẩm vào giỏ hàng:** Cho phép khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng của mình.
6. **Sửa thông tin cá nhân:** Cho phép khách hàng sửa thông tin cá nhân trong tài khoản thành viên.
7. **Xem đơn đặt hàng:** Cho phép khách hàng xem các đơn hàng đã đặt.
8. **Quản lý giỏ hàng:** Cho phép khách hàng thêm hàng vào giỏ hàng, xóa một hàng trong giỏ, sửa số lượng hàng trong giỏ và xóa toàn bộ giỏ hàng.
9. **Đặt hàng:** Cho phép khách hàng đặt mua các mặt hàng trong giỏ hàng.
10. **Hủy đơn hàng:** Cho phép khách hàng hủy một đơn hàng đã đặt.
11. **Đăng ký:** Cho phép khách hàng đăng ký tài khoản thành viên.
12. **Đăng nhập:** Cho phép khách hàng đăng nhập vào tài khoản thành viên.
13. **Liên hệ CSKH:** Cho phép khách hàng liên hệ đến bộ phận chăm sóc khách hàng (CSKH) khi có vấn đề trong việc mua hàng trên website.
14. **Xem thông tin khuyến mại:** Cho phép khách hàng xem thông tin khuyến mại, và các sản phẩm được khuyến mại

1.1.2. Các Use case phần back end



Hình 1.3. Use case phần back end

**\* Mô tả vắn tắt:**

**1, Bảo trì danh mục sản phẩm:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa, thông tin trong bảng DANH\_MUC.

**2, Bảo trì sản phẩm:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng SAN\_PHAM.

**3, Quản lý tài khoản khách hàng:** Cho phép người quản trị xem, sửa trạng thái, xóa thông tin trong bảng TAI\_KHOAN.

**4, Quản lý đơn hàng (xem đơn hàng, xem chi tiết đơn hàng, sửa trạng thái đơn hàng):** Cho phép người quản trị xem thông tin trong bảng DON\_HANG và bảng CHI\_TIET\_DON\_HANG, sửa trạng thái của đơn hàng trong bảng DONHANG, xóa thông tin trong bảng DON\_HANG và CHI\_TIET\_DON\_HANG.

**5, Đăng nhập (Với vai trò quản trị):** Cho phép người quản trị đăng nhập với vai trò quản trị để thực hiện các thao tác quản trị trên trang web.

**6, Chăm sóc khách hàng:** Cho phép người quản trị giải đáp thắc mắc, tư vấn cho khách hàng.

**7, Bảo trì khuyến mãi:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xoá thông tin trong bảng KHUYEN\_MAI.

## Mô tả Use case

### Đặc tả Use case “Đăng nhập” (Đỗ Thiên Nhật)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Cho phép khách hàng đăng nhập tài khoản vào website.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use case bắt đầu khi người dùng click vào chữ “Đăng nhập” phía bên trên cùng của website. Hệ thống hiển thị form đăng nhập gồm các trường: Email, Mật khẩu.

2, Người dùng nhập Email, Mật khẩu, rồi click vào nút “Đăng nhập”. Hệ thống truy cập vào CSDL so sánh TenTK và MatKhau trong bảng TAI\_KHOAN. Nếu đúng thì hệ thống sẽ cho phép người dùng truy cập vào hệ thống. Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 2 trong luồng cơ bản, khi người dùng nhập sai Email hoặc mật khẩu. Hệ thống quay lại bước 2 trong luồng cơ bản cùng với thông báo lỗi. Use case kết thúc.

2, Tại bước 2 trong luồng cơ bản, khi người dùng nhập đúng Email hoặc mật khẩu. Hệ thống kiểm tra TrangThaiTK, nếu = 0 (vô hiệu hoá) thì sẽ hiển thị một cửa sổ thông báo ở góc trên bên phải màn hình và quay lại trang chủ của trang web. Use case kết thúc.

3, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

* Tiền điều kiện:

Đăng ký tài khoản

* Hậu điều kiện:

Nếu đăng nhập thành công thì hệ thống sẽ thay đổi trạng thái người dùng.

* Điểm mở rộng:

Quên mật khẩu, đăng ký.

### Mô tả Use case “Bảo trì danh mục sản phẩm” (Đỗ Thiên Nhật)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Use Case này cho phép quản trị viên hoặc nhân viên bảo trì danh mục sản phẩm bằng cách thêm, sửa đổi hoặc xóa các danh mục sản phẩm trên hệ thống.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use Case bắt đầu khi người quản trị click vào mục “Quản lý danh mục” trên giao diện quản trị của hệ thống. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục sản phẩm hiện có và các nút “Thêm danh mục”, “Sửa danh mục” và “Xóa danh mục”.

2, Thêm danh mục

2.1, Khi người quản trị click vào nút “Thêm danh mục” trên màn hình danh sách các danh mục. Hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho danh mục như Mã danh mục, Tên danh mục.

2.2, Khi người quản trị nhập thông tin xong và click nút “Lưu”. Hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ thông báo yêu cầu xác nhận.

2.3, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống hiển thị thông báo thêm thành công và hiển thị danh sách các danh mục đã cập nhật ra màn hình.

3, Sửa danh mục

3.1, Khi người quản trị click vào nút “Sửa danh mục” trên danh mục tương ứng muốn sửa. Hệ thống hiển thị màn hình cho phép nhập thông tin cần sửa như Tên danh mục.

3.2, Khi người quản trị nhập thông tin xong và click vào nút “Lưu”. Hệ thống sẽ hiện lên cửa sổ thông báo yêu cầu xác nhận.

3.3, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống hiển thị thông báo sửa thành công và hiển thị danh sách các danh mục đã cập nhật ra màn hình.

4, Xóa danh mục

4.1, Khi người quản trị click vào nút “Xóa danh mục” trên màn hình danh sách các danh mục. Người quản trị chọn danh mục muốn xóa và click vào nút “Xóa”. Hệ thống sẽ hiện lên cửa sổ thông báo yêu cầu người quản trị xác nhận.

4.2, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống xóa danh mục, hiển thị thông báo thành công và hiển thị danh sách danh mục sau xóa.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu không có danh mục sản phẩm nào hiện có trong bảng DANH\_MUC, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Hiện không có danh mục sản phẩm nào” và cung cấp tùy chọn thêm danh mục mới. Use Case kết thúc.

2, Tại bước 2 hoặc 3 hoặc 4 trong luồng cơ bản, nếu không thể thêm, sửa đổi hoặc xóa danh mục sản phẩm do lỗi kỹ thuật, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và không thực hiện thay đổi. Use Case kết thúc.

3, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Chỉ quản trị viên có đủ quyền truy cập mới có thể thực hiện các thao tác bảo trì danh mục sản phẩm.

* Tiền điều kiện:

Quản trị viên cần đăng nhập vào hệ thống với tài khoản quản trị để có quyền quản lý danh mục sản phẩm.

* Hậu điều kiện:

Các thay đổi về danh mục sản phẩm được cập nhật thành công vào cơ sở dữ liệu.

* Điểm mở rộng:

Xem lịch sử chỉnh sửa của danh mục sản phẩm để theo dõi các thay đổi.

### Mô tả Use case “Xem danh mục sản phẩm” (Lại Thế Rin)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Cho phép khách hàng xem sản phẩm theo từng thể loại cụ thể.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use case bắt đầu khi người dùng di chuột vào mục “CLOTHING” trên thanh Menu. Hệ thống sẽ lấy thông tin từ bảng DANH\_MUC và hiện ra danh sách các danh mục sản phẩm.

2, Người dùng lướt xem danh sách các danh mục.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 1 trong luồng cơ bản, khi người dùng di chuột vào mục “CLOTHING”, nếu hệ thống không thể truy cập bảng DANH\_MUC trong Cơ sở dữ liệu, hệ thống sẽ hiển thị ra màn hình thống báo “Lỗi kết nối danh mục”. Use case kết thúc.

3, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

* Tiền điều kiện:

Không có

* Hậu điều kiện:

Không có

* Điểm mở rộng:

Không có

### Mô tả Use case “Bảo trì sản phẩm” (Lại Thế Rin)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Use Case này cho phép người quản trị bảo trì thông tin về các sản phẩm trên hệ thống bằng cách thêm mới, sửa đổi hoặc xóa sản phẩm.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use Case bắt đầu khi người quản trị click vào nút “Quản lý sản phẩm” trên hệ thống. Hệ thống truy cập bảng SAN\_PHAM và hiển thị danh sách các sản phẩm hiện có và các nút “Thêm mới”, “Sửa”, “Xóa”.

2, Thêm sản phẩm

2.1, Khi người quản trị click vào nút “Thêm mới” trên màn hình danh sách các sản phẩm. Hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho sản phẩm như Mã sản phẩm, Tên sản phẩm, Thương hiệu, Mô tả, Tình trạng, Kích thước, Giá bán, Mã danh mục.

2.2, Khi người quản trị nhập thông tin xong và click nút “Lưu”. Hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ thông báo yêu cầu xác nhận.

2.3, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống hiển thị thông báo thêm thành công và hiển thị danh sách các sản phẩm đã cập nhật ra màn hình.

3, Sửa sản phẩm

3.1, Khi người quản trị click vào nút “Sửa sản phẩm” trên sản phẩm tương ứng muốn sửa. Hệ thống hiển thị màn hình cho phép nhập thông tin cần sửa như Tên sản phẩm, Thương hiệu, Mô tả, Tình trạng, Kích thước, Giá bán, Mã danh mục.

3.2, Khi người quản trị nhập thông tin xong và click vào nút “Lưu”. Hệ thống sẽ hiện lên cửa sổ thông báo yêu cầu xác nhận.

3.3, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống hiển thị thông báo sửa thành công và hiển thị danh sách các sản phẩm đã cập nhật ra màn hình.

4, Xóa sản phẩm

4.1, Khi người quản trị click vào nút “Xóa sản phẩm” trên màn hình danh sách các sản phẩm. Người quản trị chọn sản phẩm muốn xóa và click vào nút “Xóa”. Hệ thống sẽ hiện lên cửa sổ thông báo yêu cầu người quản trị xác nhận.

4.2, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống xóa sản phẩm, hiển thị thông báo thành công và hiển thị danh sách sản phẩm sau xóa.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu không có danh mục sản phẩm nào hiện có trong bảng SAN\_PHAM, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Hiện không có sản phẩm nào” và cung cấp tùy chọn thêm sản phẩm mới. Use Case kết thúc.

2, Tại bước 2 hoặc 3 hoặc 4 trong luồng cơ bản, nếu không thể thêm, sửa đổi hoặc xóa sản phẩm do lỗi kỹ thuật, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và không thực hiện thay đổi. Use Case kết thúc.

3, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Chỉ quản trị viên có đủ quyền truy cập mới có thể thực hiện các thao tác bảo trì sản phẩm.

* Tiền điều kiện:

Quản trị viên cần đăng nhập vào hệ thống với tài khoản quản trị để có quyền quản lý sản phẩm.

* Hậu điều kiện:

Các thay đổi về sản phẩm được cập nhật thành công vào cơ sở dữ liệu.

* Điểm mở rộng:

Xem lịch sử chỉnh sửa của sản phẩm để theo dõi các thay đổi.

### Mô tả Use case “Đặt hàng” (Nguyễn Đình Việt)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Use case này cho phép người dùng đặt hàng thông qua website.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use case bắt đầu khi người dùng click vào mục “Giỏ hàng”. Hệ thống truy cập bảng GIOHANG và hiển thị các sản phẩm đang có trong giỏ hàng và tổng tiền.

2, Người dùng chọn các sản phẩn cần mua và click vào nút “Thanh toán” trong giỏ hàng. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập thông tin giao hàng và phương thức thanh toán.

3, Người dùng nhập thông tin cần thiết, chọn phương thức thanh toán và click vào nút “Xác nhận đặt hàng”. Hệ thống kiểm tra thông tin đưa khách hàng đến trang thanh toán online.

4, Người dùng thực hiện thanh toán và bấm nút “Xác nhận”. Hệ thống xác nhận, thêm dữ liệu vào bảng DONHANG và thông báo thành công.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu giỏ hàng của người dùng trống, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Giỏ hàng của bạn đang trống” và yêu cầu người dùng tiếp tục mua sắm. Use Case kết thúc.

2, Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu người dùng nhập thông tin giao hàng hoặc thông tin thanh toán không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin bạn nhập chưa đúng định dạng, mời nhập lại!”. Use Case kết thúc.

3, Tại bước 3 trong luồng cơ bản, nếu không kết nối được với trang thanh toán, hệ thống hiển thị thông báo lỗi kết nối. Use case kết thúc.

4, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

* Tiền điều kiện:

Người dùng đăng nhập vào hệ thống

* Hậu điều kiện:

Nếu đặt hàng thành công, hệ thống sẽ ghi nhận đơn hàng mới vào cơ sở dữ liệu và gửi xác nhận đơn hàng đến người dùng.

* Điểm mở rộng:

Huỷ đơn hàng

### Mô tả Use case “Quản lý đơn hàng” (Nguyễn Đình Việt)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Use Case này cho phép người quản trị quản lý các đơn hàng trên hệ thống, bao gồm xem chi tiết đơn hàng, cập nhật trạng thái đơn hàng và xóa đơn hàng.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use Case bắt đầu khi người quản trị click vào nút “Quản lý đơn hàng” trên hệ thống. Hệ thống truy cập bảng DONHANG và hiển thị danh sách các đơn hàng hiện có, bao gồm các thông tin như mã đơn hàng, ngày đặt hàng, tổng giá trị và trạng thái.

2, Xem chi tiết đơn hàng

2.1, Người quản trị chọn đơn hàng cần xem chi tiết và click nút “Chi tiết”. Hệ thống lấy chi tiết đơn hàng và hiển thị chi tiết đơn hàng như mã đơn hàng, ngày đặt hàng, tổng giá trị và trạng thái.

3, Cập nhật trạng thái đơn hàng

3.1, Người quản trị chọn một đơn hàng và click nút “Cập nhật trạng thái”. Hệ thống hiển thị cửa sổ cập nhật trạng thái.

3.2, Người quản trị cập nhật trạng thái và click nút “Lưu”. Hệ thống thông báo thành công và hiển thị danh sách đơn hàng sau cập nhật.

4. Xóa đơn hàng

4.1, Khi người quản trị click vào nút “Xóa” trên màn hình danh sách các đơn hàng. Người quản trị chọn đơn hàng muốn xóa và click vào nút “Xóa”. Hệ thống sẽ hiện lên cửa sổ thông báo yêu cầu người quản trị xác nhận.

4.2, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống xóa đơn hàng, hiển thị thông báo thành công và hiển thị danh sách đơn hàng sau xóa.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu không có đơn hàng nào hiện có, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Hiện không có đơn hàng nào”. Use Case kết thúc.

2, Tại bước 3 trong luồng cơ bản, nếu không thể truy cập bảng DON\_HANG cập nhật trạng thái hoặc xóa đơn hàng do lỗi kỹ thuật, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và không thực hiện thay đổi. Use Case kết thúc.

3, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Chỉ quản trị viên có đủ quyền truy cập mới có thể thực hiện các thao tác quản lý đơn hàng.

* Tiền điều kiện:

Quản trị viên cần đăng nhập vào hệ thống với vai trò quản trị để có quyền quản lý đơn hàng.

* Hậu điều kiện:

Các thay đổi về trạng thái của đơn hàng hoặc việc xóa đơn hàng được cập nhật thành công vào cơ sở dữ liệu.

* Điểm mở rộng:

Xem lịch sử thay đổi trạng thái của đơn hàng để theo dõi quá trình xử lý.

### Mô tả Use case “Xem thông tin khuyến mãi” (Nguyễn Văn Sơn)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Use Case này cho phép người dùng xem thông tin chi tiết về các chương trình khuyến mãi hiện có trên website.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use Case bắt đầu khi người dùng click vào mục “CLEARANCE SALE” trên website. Hệ thống hiển thị danh sách các chương trình khuyến mãi và các sản phẩm được khuyến mãi hiện có.

2, Người dùng chọn một chương trình khuyến mãi từ danh sách và click nút “Chi tiết”. Hệ thống truy cập bảng KHUYENMAI để lấy thông tin chi tiết về khuyến mãi gồm: mã khuyến mãi, tên khuyến mãi, mức giảm giá, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, và danh sách các sản phẩm áp dụng khuyến mãi.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu không có chương trình khuyến mãi nào hiện có, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Hiện không có chương trình khuyến mãi nào”. Use Case kết thúc.

2, Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu không truy cập được bảng KHUYEN\_MAI để lấy thông tin, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi: “Không thể lấy thông tin chi tiết khuyến mãi”. Use Case kết thúc.

3, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Không có

* Tiền điều kiện:

Không có

* Hậu điều kiện:

Không có

* Điểm mở rộng:

- Thêm sản phẩm vào giỏ hàng từ trang khuyến mãi.

- Đăng ký nhận thông báo về các chương trình khuyến mãi mới qua email hoặc SMS.

### Mô tả Use case “Bảo trì khuyến mãi” (Nguyễn Văn Sơn)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Use Case này cho phép người quản trị quản lý thông tin về các chương trình khuyến mãi trên hệ thống, bao gồm thêm mới, sửa đổi và gỡ khuyến mãi.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use Case bắt đầu khi người quản trị click vào nút “Bảo trì khuyến mãi” trên hệ thống. Hệ thống truy cập bảng KHUYEN\_MAI và hiển thị danh sách các chương trình khuyến mãi đang hoạt động.

2, Thêm khuyến mãi

2.1, Khi người quản trị click vào nút “Thêm mới” trên màn hình danh sách các khuyến mãi. Hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho khuyến mãi như Mã khuyến mãi, Tên khuyến mãi, Mức giảm giá, Thời gian bắt đầu, Thời gian kết thúc.

2.2, Khi người quản trị nhập thông tin xong và click nút “Lưu”. Hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ thông báo yêu cầu xác nhận.

2.3, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống hiển thị thông báo thêm thành công và hiển thị danh sách các khuyến mãi đã cập nhật ra màn hình.

3, Sửa khuyến mãi

3.1, Khi người quản trị click vào nút “Sửa khuyến mãi” trên khuyến mãi tương ứng muốn sửa. Hệ thống hiển thị màn hình cho phép nhập thông tin cần sửa như Tên khuyến mãi, Mức giảm giá, Thời gian bắt đầu, Thời gian kết thúc.

3.2, Khi người quản trị nhập thông tin xong và click vào nút “Lưu”. Hệ thống sẽ hiện lên cửa sổ thông báo yêu cầu xác nhận.

3.3, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống hiển thị thông báo sửa thành công và hiển thị danh sách các khuyến mãi đã cập nhật ra màn hình.

4, Xóa khuyến mãi

4.1, Khi người quản trị click vào nút “Xóa khuyến mãi” trên màn hình danh sách các sản phẩm. Người quản trị chọn khuyến mãi muốn xóa và click vào nút “Xóa”. Hệ thống sẽ hiện lên cửa sổ thông báo yêu cầu người quản trị xác nhận.

4.2, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống xóa khuyến mãi, hiển thị thông báo thành công và hiển thị danh sách khuyến mãi sau xóa.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu không có khuyến mãi nào, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Hiện không có khuyến mãi nào”. Use Case kết thúc.

2, Tại bước 2 hoặc 3 hoặc 4 trong luồng cơ bản, nếu không thể kết nối với bảng KHUYEN\_MAI để thêm bản ghi mới, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Thay đổi không thành công”. Use case kết thúc.

3, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Chỉ quản trị viên có đủ quyền truy cập mới có thể thực hiện các thao tác quản lý đơn hàng.

* Tiền điều kiện:

Quản trị viên cần đăng nhập vào hệ thống với vai trò quản trị để có quyền quản lý.

* Hậu điều kiện:

Các thay đổi về thông tin khuyến mãi được cập nhật thành công vào cơ sở dữ liệu.

* Điểm mở rộng:

Xem lịch sử chỉnh sửa của khuyến mãi để theo dõi các thay đổi.

### Mô tả Use case “Liên hệ CSKH” (Nguyễn Anh Tuấn)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Use Case này cho phép người dùng liên hệ với bộ phận Chăm sóc khách hàng (CSKH) để yêu cầu hỗ trợ về các vấn đề liên quan đến sản phẩm, đơn hàng, hoặc dịch vụ.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use Case bắt đầu khi người dùng nhấp vào mục “Liên hệ CSKH” trên website. Hệ thống hiển thị form gồm “Tên”, “Email” của người dùng lấy từ bảng TAI\_KHOAN (nếu người dùng đã đăng nhập) và phần nội dung để người dùng điền câu hỏi của mình..

2, Người dùng nhập câu hỏi và thông tin liên hệ (nếu cần) rồi nhấn nút "Gửi Yêu Cầu”. Nội dung câu hỏi sẽ được lưu vào bảng YEU\_CAU trong cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo xác nhận đã nhận được câu hỏi.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu người dùng không điền đầy đủ thông tin vào form hoặc sai định dạng, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi: “Vui lòng điền đầy đủ thông tin” và hiển thị lại form nhập yêu cầu.

3, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản, nếu mất kết nối, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi: “Không thể gửi yêu cầu, vui lòng thử lại sau”. Use case kết thúc

* Các yêu cầu đặc biệt:

Không có

* Tiền điều kiện:

Không có

* Hậu điều kiện:

Không có

* Điểm mở rộng:

Người dùng có thể copy số Hotline để liên hệ với bộ phận CSKH

### Mô tả Use case “Chăm sóc khách hàng” (Nguyễn Anh Tuấn)

* Mô tả vắn tắt Use-case:

Use Case này cho phép người quản trị (Admin) xử lý yêu cầu và thắc mắc từ phía khách hàng.

* Luồng sự kiện:
* Luồng cơ bản:

1, Use Case bắt đầu khi người quản trị click vào mục “Chăm sóc khách hàng” trên hệ thống. Hệ thống truy cập bảng YEU\_CAU để lấy dữ liệu hiển thị danh sách các yêu cầu hiện có từ khách hàng, bao gồm thông tin như mã yêu cầu, ngày gửi và trạng thái.

2, Người quản trị chọn 1 yêu cầu cần xem chi tiết và click biểu tượng “Xem chi tiết”. Hệ thống truy cập bảng CHI\_TIET\_YEU\_CAU để lấy thông tin chi tiết yêu cầu và hiển thị lên màn hình.

3, Phản hồi yêu cầu

3.1, Người quản trị click nút “Xử lý” trong trang chi tiết yêu cầu. Hệ thống hiển thị form phản hồi gồm email quản trị viên, email người nhận và ô nhập phản hồi.

3.2, Người quản trị nhập phản hồi và click nút “Gửi”. Hệ thống gửi phản hồi đến email người nhận, thông báo thành công và hiển thị tùy chon thay đổi trạng thái yêu cầu.

3.3, Người quản trị sửa trạng thái yêu cầu và click nút “Lưu”. Hệ thống truy cập bảng YEU\_CAU để cập nhật trạng thái yêu cầu và thông báo thành công.

4, Xóa yêu cầu

4.1, Người quản trị chọn yêu cầu cần xóa và click biểu tượng “Xóa”. Hệ thống hiển thị cửa sổ xác nhận.

4.2, Người quản trị click nút “Đồng ý”. Hệ thống truy cập bảng YEU\_CAU để chuyển trạng thái yêu cầu thành đã xóa và thông báo ra màn hình.

Use case kết thúc.

* Luồng rẽ nhánh:

1, Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu không có yêu cầu nào, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Hiện không có yêu cầu nào”. Use Case kết thúc.

2, Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu không truy cập được bảng CHI\_TIET\_YEU\_CAU để lấy chi tiết, hệ thống hiển thị thông báo “Không thể lấy chi tiết yêu cầu lúc này, vui lòng thử lại sau”. Use case kết thúc.

3, Tại bước 3 trong luồng cơ bản, nếu không truy cập được bảng YEU\_CAU để thay đổi trạng thái yêu cầu, hệ thống hiển thị một thông báo lỗi. Use case kết thúc.

4, Tại bước 4 trong luồng cơ bản, nếu không nếu không truy cập được bảng YEU\_CAU để xóa yêu cầu, hệ thống hiển thị một thông báo lỗi. Use case kết thúc.

5, Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và Use case kết thúc.

* Các yêu cầu đặc biệt:

Chỉ quản trị viên có đủ quyền truy cập mới có thể thực hiện các thao tác quản lý đơn hàng.

* Tiền điều kiện:

Quản trị viên cần đăng nhập vào hệ thống với vai trò quản trị để có quyền quản lý.

* Hậu điều kiện:

Không có

* Điểm mở rộng:

Xem lịch sử phản hồi yêu cầu.

# PHÂN TÍCH USE CASE

## Phân tích các use case

### Phân tích use case “Đăng nhập” (Đỗ Thiên Nhật)

#### Biểu đồ trình tự

****

Hình 2.3. Biểu đồ trình tự của use case “Đăng nhập”

#### Biểu đồ lớp phân tích

****

Hình 2.4. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Đăng nhập”

### Phân tích use case “Bảo trì danh mục sản phẩm” (Đỗ Thiên Nhật)

#### Biểu đồ trình tự





Hình 2.25. Biểu đồ trình tự của use case “Bảo trì danh mục sản phẩm”

#### Biểu đồ lớp phân tích



Hình 2.26. Biểu đồ lớp phân tích Use case “Bảo trì danh mục sản phẩm”

### Phân tích use case “Xem danh mục sản phẩm” (Lại Thế Rin)

#### Biểu đồ trình tự

****

Hình 2.7. Biểu đồ trình tự của use case “Xem sản phẩm theo danh mục”

#### Biểu đồ lớp phân tích

****

Hình 2.8. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Xem sản phẩm theo danh mục”

### Phân tích use case “Bảo trì sản phẩm” (Lại Thế Rin)

#### Biểu đồ trình tự





Hình 2.27. Biểu đồ trình tự của use case “Bảo trì sản phẩm”

#### Biểu đồ lớp phân tích



Hình 2.28. Biểu đồ lớp phân tích Use case “Bảo trì sản phẩm”

### Phân tích use case “Đặt hàng” (Nguyễn Đình Việt)

#### Biểu đồ trình tự



Hình 2.17. Biểu đồ trình tự của use case “Đặt hàng”

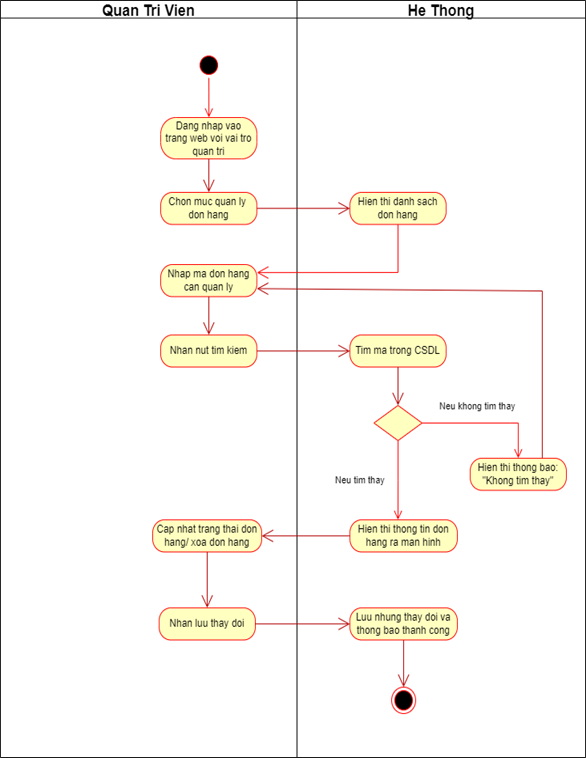
#### Biểu đồ lớp phân tích



Hình 2.18. Biểu đồ lớp phân tích của Use case “Đặt hàng”

### Phân tích use case “Quản lý đơn hàng” (Nguyễn Đình Việt)

#### Biểu đồ trình tự



Hình 2.31: Biểu đồ trình tự của use case “Quản lý đơn hàng”

#### Biểu đồ lớp phân tích

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Hình 2.32: Biểu đồ lớp phân tích Use case “Quản lý đơn hàng”

### Phân tích use case “Xem thông tin khuyến mãi” (Nguyễn Văn Sơn)

#### Biểu đồ trình tự



Hình 2.23. Biểu đồ trình tự của use case “Xem thông tin khuyến mãi”

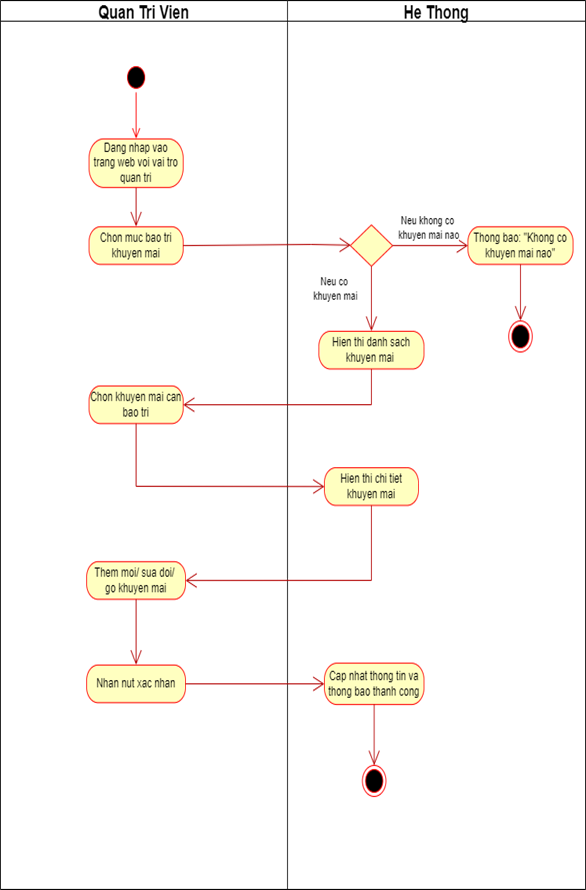
#### Biểu đồ lớp phân tích



Hình 2.24. Biểu đồ lớp phân tích Use case “Xem thông tin khuyến mãi”

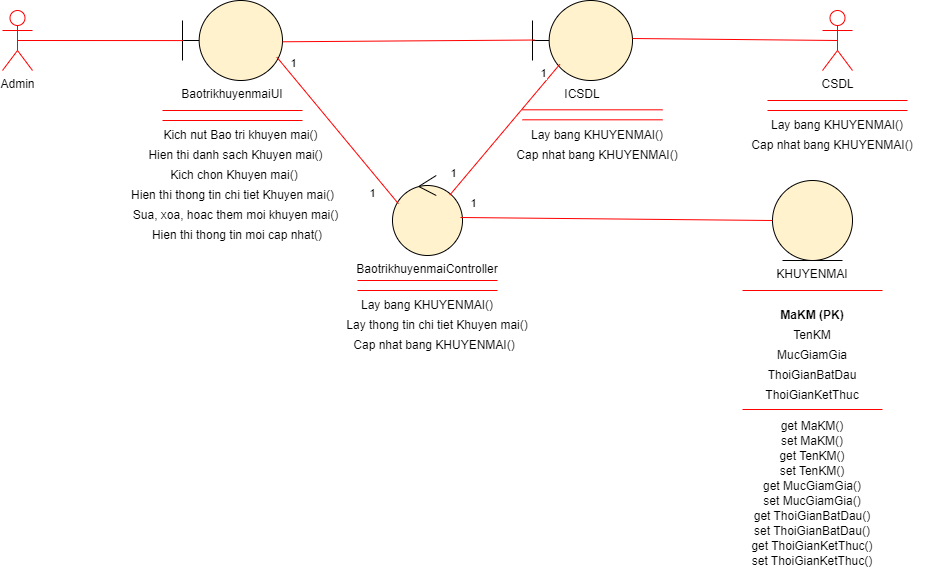
### Phân tích use case “Bảo trì khuyến mãi” (Nguyễn Văn Sơn)

#### Biểu đồ trình tự



Hình 2.35: Biểu đồ trình tự của use case “Bảo trì khuyến mãi”

#### Biểu đồ lớp phân tích



Hình 2.36: Biểu đồ lớp phân tích Use case “Bảo trì khuyến mãi”

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. <https://luanvan.org/tai-lieu-dac-ta-yeu-cau-phan-mem-441/> truy cập lần cuối ngày 10/05/2024

[2]. Giáo trình Phân tích thiết kế hệ thống (Nguyễn Thị Thanh Huyền; Ngô Thị Bích Thúy; Phạm Kim Phượng)

[3]. <https://www.studocu.com/vn/document/dai-hoc-hue/general-linguistics/dac-ta-use-case-user-case/37361333> truy cập lần cuối ngày 01/05/2024

[4]. <https://iviettech.vn/blog/543-ban-ve-use-case-use-case-diagram.html> truy cập lần cuối ngày 05/05/2024

[5]. Môn học kết hợp “PHÂN TÍCH VÀ ĐẶC TẢ YÊU CẦU PHẦN MỀM”- HAUI